

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC

Số: 272.../CV-TMC

" V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận  
so với cùng kỳ năm trước "

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà nội, ngày 13 tháng 08 năm 2016

**Kính gửi:** - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

1. Tên Công ty : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC
2. Mã chứng khoán : BHT
3. Địa chỉ trụ sở chính : Số 99, Ngụy Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, TP. Hà Nội
4. Điện thoại : 04.62865483 Fax: 04.62865987
5. Người thực hiện công bố thông tin: TẠ VĂN TÚ
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán.
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Toàn bộ các báo cáo trên được lập ngày 12 tháng 08 năm 2016.

6.2 Nội dung giải trình về việc lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016, so với cùng kỳ năm trước có biến động, nguyên nhân chính dẫn đến sự biến động cụ thể như sau:

Thu nhập khác 6 tháng đầu năm 2016 giảm so với cùng kỳ năm trước 10.100 triệu đồng ( tương đương 98,32%).

Như vậy, từ nguyên nhân trên đây cho thấy lợi nhuận sau thuế của kỳ báo cáo năm nay có sự biến động so với cùng kỳ năm trước là có cơ sở.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính: bachdangtmc.com

Công ty cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi
- Lưu Cty TMC

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ XD BẠCH ĐĂNG TMC



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Thường

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*  
*đã được soát xét*



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>2 – 3</b>
<b>Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ</b>	<b>4</b>
<b>Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét</b>	<b>5 – 32</b>
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	11 – 32

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được soát xét bởi các kiểm toán viên độc lập.

### **KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC, trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Lắp máy TMC (tiền thân là Công ty Cổ phần Lắp máy điện nước và Xây dựng) được thành lập do chuyển đổi từ Công ty Lắp máy Điện nước và Xây dựng - Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đằng theo Quyết định số 2304/QĐ-BXD ngày 23 tháng 12 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001434 ngày 27 tháng 04 năm 2005 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 13 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 6 năm 2016 là 46.000.000.000 đồng.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

### **TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm báo cáo này (từ trang 05 đến trang 32).

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Chủ tịch
Ông Đinh Đức Tân	Ủy viên
Bà Dương Thị Thủy	Ủy viên
Ông Tạ Văn Tú	Ủy viên
Ông Phạm Đình Huỳnh	Ủy viên

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)**

**BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG**

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong kỳ và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Thường	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016
Ông Đinh Đức Tân	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016
Ông Lê Đắc Hậu	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Dương Thị Thùy	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016
Ông Nguyễn Văn Hợp	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 05 tháng 02 năm 2016

**KIỂM TOÁN VIÊN**

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

**CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**



**Nguyễn Văn Thường**

Số: 2410./2016/BCSX-AASCN

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC được lập ngày 12 tháng 8 năm 2016, từ trang 05 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Bạch Đằng - TMC chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của đơn vị tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn  
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt

Giám đốc



**Bùi Thị Ngọc Lân**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0300-2013-152-1

84-2  
HÀ  
T  
H  
M  
I  
V  
H  
O

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>172.809.198.258</b>	<b>179.889.067.432</b>
<b>I.</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>26.788.942</b>	<b>3.683.683.688</b>
1.	Tiền	111	V.01	26.788.942	3.683.683.688
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II.</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>54.554.661.811</b>	<b>59.727.641.567</b>
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	23.060.131.736	30.230.038.570
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		6.360.505.635	6.084.185.635
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	32.638.456.729	28.330.438.783
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(7.504.432.289)	(4.917.021.421)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV.</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>118.034.662.591</b>	<b>116.033.125.166</b>
1.	Hàng tồn kho	141	V.05	118.034.662.591	116.033.125.166
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V.</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>193.084.914</b>	<b>444.617.011</b>
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.08	-	94.364.011
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		193.084.914	350.253.000
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B.</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>23.505.744.744</b>	<b>25.012.857.056</b>
<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	<b>49.550.000</b>
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.03	-	49.550.000
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>23.047.058.869</b>	<b>24.428.641.730</b>
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	6.946.716.506	8.328.299.367
	- Nguyên giá	222		29.330.992.873	29.283.492.873
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(22.384.276.367)	(20.955.193.506)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.07	16.100.342.363	16.100.342.363
	- Nguyên giá	228		16.100.342.363	16.100.342.363
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>458.685.875</b>	<b>534.665.326</b>
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	458.685.875	534.665.326
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>196.314.943.002</b>	<b>204.901.924.488</b>

HÀNG TRƯỞNG



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C.</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>154.466.743.213</b>	<b>158.134.809.207</b>
<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>70.698.116.519</b>	<b>75.106.814.847</b>
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	14.669.259.604	16.159.437.332
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		5.485.701.904	8.045.802.264
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	9.213.760.928	9.685.584.217
4.	Phải trả người lao động	314		385.534.773	443.775.282
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12	6.019.547.074	4.825.855.650
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.785.254.071	6.869.301.937
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.09	28.664.530.863	28.558.530.863
11.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		474.527.302	518.527.302
<b>II.</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83.768.626.694</b>	<b>83.027.994.360</b>
3.	Chi phí phải trả dài hạn	333	V.12	14.452.026.694	13.211.394.360
8.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.09	69.316.600.000	69.816.600.000
<b>D.</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>41.848.199.789</b>	<b>46.767.115.281</b>
<b>I.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.14</b>	<b>41.848.199.789</b>	<b>46.767.115.281</b>
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.000.000.000	46.000.000.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		4.118.298.000	4.118.298.000
8.	Quỹ đầu tư phát triển	418		1.789.516.825	1.789.516.825
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(10.059.615.036)	(5.140.699.544)
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		(5.140.699.544)	690.000.080
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		(4.918.915.492)	(5.830.699.624)
<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>196.314.943.002</b>	<b>204.901.924.488</b>


Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Nguyễn Thị Hồng Minh

Dương Thị Thủy

Nguyễn Văn Thường

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	5.765.253.771	5.394.884.573
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		5.765.253.771	5.394.884.573
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	4.274.554.075	7.937.072.599
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.490.699.696	(2.542.188.026)
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	164.468	427.919.928
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.228.883.052	1.316.901.698
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.228.883.052	1.316.901.698
8.	Chi phí bán hàng	25		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	4.609.238.971	6.671.305.542
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.347.257.859)	(10.102.475.338)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	171.780.449	10.272.727.270
12.	Chi phí khác	32	VI.06	743.438.082	2.341.045.646
13.	Lợi nhuận khác	40		(571.657.633)	7.931.681.624
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.08	(1.069)	(472)
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.09	(1.069)	(472)

Người lập biểu

Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng

Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thương

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>I.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		1.429.082.861	1.504.546.672
-	Các khoản dự phòng	03		2.587.410.868	3.967.238.583
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(164.468)	(2.205.228)
-	Chi phí lãi vay	06		1.228.883.052	1.316.901.698
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		326.296.821	4.615.688.011
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.792.286.974	3.318.934.565
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2.001.537.425)	4.128.655.452
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(4.433.013.769)	(5.740.916.547)
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		170.343.462	204.978.853
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(25.935.277)	(625.617.735)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(1.181.430.593)
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(44.000.000)	(127.000.000)
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(3.215.559.214)	4.593.292.006
<b>II.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
-	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(47.500.000)	-
-	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
-	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
-	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
-	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
-	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
-	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		164.468	2.205.228
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(47.335.532)	2.205.228

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>III.</b>	<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		1.123.000.000	1.935.000.000
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.517.000.000)	(9.013.730.206)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(875.528.234)
	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(394.000.000)</b>	<b>(7.954.258.440)</b>
	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(3.656.894.746)</b>	<b>(3.358.761.206)</b>
	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>3.683.683.688</b>	<b>3.809.202.546</b>
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>		<b>26.788.942</b>	<b>450.441.340</b>

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Thường

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 đến ngày 30 tháng 6 năm 2016

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

**02. Lĩnh vực kinh doanh**

Sản xuất và xây dựng.

**03. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 bao gồm:

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Dịch vụ cho thuê thiết bị.

**04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

**05. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 có thể so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm 2015.

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**01. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

**02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

### 02. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 03. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

### 04. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

#### *Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình*

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

### 05. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

**06. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**07. Nguyên tắc ghi nhận vay**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

**08. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hoá được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

Tỷ lệ vốn hoá được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ là từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

**09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

52  
CH  
ÔN  
ICH  
I GI  
/A  
N  
/N

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có quyết định hoặc thông báo chia cổ tức.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu hợp đồng xây dựng***

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và dịch vụ đã cung cấp.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tính: VND

**01. Tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	21.359.591	1.170.120.964
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.429.351	2.513.562.724
- Tiền đang chuyển	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.788.942</b>	<b>3.683.683.688</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**02. Phải thu của khách hàng**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>23.060.131.736</b>	<b>30.230.038.570</b>
- Công ty Cổ phần TCT Xây lắp Dầu khí Nghệ An	5.124.602.292	5.124.602.292
- Công ty Cổ phần Y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	4.846.214.745
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển đường cao tốc Việt Nam (VEC)	2.652.801.098	4.652.801.098
- Ban quản lý dự án Nhiệt điện 1	2.588.747.028	2.588.747.028
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	7.847.766.573	13.017.673.407
<b>b. Phải thu của khách hàng dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>23.060.131.736</b>	<b>30.230.038.570</b>

**03. Phải thu khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>32.638.456.729</b>	<b>350.000.000</b>	<b>28.330.438.783</b>	<b>350.000.000</b>
- Tạm ứng	29.910.729.771	-	27.363.255.688	-
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.551.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.176.726.958	350.000.000	967.183.095	350.000.000
+ Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng và thương mại Đông Cường	500.000.000	350.000.000	500.000.000	350.000.000
+ Các đối tượng khác	676.726.958	-	467.183.095	-
<b>b. Dài hạn</b>	-	-	<b>49.550.000</b>	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-	49.550.000	-
<b>Cộng</b>	<b>32.638.456.729</b>	<b>350.000.000</b>	<b>28.379.988.783</b>	<b>350.000.000</b>

**04. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Công ty Điện lực Phú Thọ	-	-	2.323.010.775	1.626.107.542
- Công ty Liên doanh XD Hà Nội - Bắc Kinh	1.775.903.393	887.951.696	1.775.903.393	887.951.696
- Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT XD Ba Đình	1.339.954.525	669.977.262	1.339.954.525	669.977.262
- Cục thuế Hải Phòng	1.062.098.579	531.049.289	1.254.703.787	878.292.651
- Công ty Cổ phần TCT Xây lắp Dầu khí Nghệ An	5.124.602.292	3.587.221.604	-	-
- Công ty Cổ phần Y dược VIMEFAHR	4.846.214.745	3.392.350.321	-	-
- Công ty Cổ phần Thép Cửu Long	976.829.071	-	976.829.071	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn ĐT & XD TM Đông Cường	500.000.000	150.000.000	500.000.000	150.000.000
- Đối tượng khác	1.510.869.952	413.490.096	1.492.328.978	533.379.957
<b>Cộng</b>	<b>17.136.472.557</b>	<b>9.632.040.268</b>	<b>9.662.730.529</b>	<b>4.745.709.108</b>

84  
HÀ  
Y  
T  
H  
M  
IV  
HỒ

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**05. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng mua đang đi đường	-	-	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	1.728.970	-	1.728.970	-
- Công cụ, dụng cụ	58.168.636	-	58.168.636	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	115.960.851.102	-	113.959.313.677	-
- Thành phẩm	1.975.457.831	-	1.975.457.831	-
- Hàng hoá	38.456.052	-	38.456.052	-
- Hàng gửi bán	-	-	-	-
- Hàng hoá kho bảo thuế	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>118.034.662.591</b>	<b>-</b>	<b>116.033.125.166</b>	<b>-</b>

(\*) Trong đó:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội (i)	60.406.787.195	59.166.154.861
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các công trình xây dựng khác	55.554.063.907	54.793.158.816
<b>Cộng</b>	<b>115.960.851.102</b>	<b>113.959.313.677</b>

- (i) Dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội có tổng diện tích là 49.664 m<sup>2</sup>. Ngày 20 tháng 11 năm 2014, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng liên danh hợp tác đầu tư số 188/2014/HTLD/BĐTMC-VIMEDIMEX với Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX và Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ/188/2014/HĐLD/BĐTMC-VIDEDIMEX ngày 20 tháng 11 năm 2014 về việc hợp tác liên danh để thực hiện đầu tư dự án Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng tại Xuân Đình, quận Từ Liêm (nay là quận Bắc Từ Liêm), thành phố Hà Nội. Theo đó, hai bên thống nhất liên danh hợp tác để đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và kinh doanh Dự án đầu tư xây dựng Tổ hợp công trình căn hộ, văn phòng và công cộng từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi kết thúc đầu tư đưa dự án vào khai thác, sử dụng theo phương thức cùng hợp tác xây dựng, quản lý và phân chia lợi nhuận, sản phẩm. Tỷ lệ góp vốn của Công ty là 40% và tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX là 60%, tỷ lệ góp vốn này sẽ là cơ sở để quy định tỷ lệ phân chia lợi nhuận, sản phẩm và rủi ro (nếu có) của Dự án. Công ty chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 24.000 m<sup>2</sup>, Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX chịu trách nhiệm đền bù, giải phóng mặt bằng của dự án là 25.664 m<sup>2</sup>. Hiện tại, Công ty Cổ phần Bất động sản VIMEDIMEX đang thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng phần diện tích 25.664 m<sup>2</sup>.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**06. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>872.305.551</b>	<b>26.406.938.209</b>	<b>1.951.819.113</b>	<b>52.430.000</b>	<b>29.283.492.873</b>
- Mua trong kỳ	-	47.500.000	-	-	47.500.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>872.305.551</b>	<b>26.454.438.209</b>	<b>1.951.819.113</b>	<b>52.430.000</b>	<b>29.330.992.873</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>52.338.334</b>	<b>19.263.440.139</b>	<b>1.595.177.219</b>	<b>44.237.814</b>	<b>20.955.193.506</b>
- Khấu hao trong kỳ	17.446.111	1.330.539.069	77.820.806	3.276.875	1.429.082.861
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>69.784.445</b>	<b>20.593.979.208</b>	<b>1.672.998.025</b>	<b>47.514.689</b>	<b>22.384.276.367</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>819.967.217</b>	<b>7.143.498.070</b>	<b>356.641.894</b>	<b>8.192.186</b>	<b>8.328.299.367</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>802.521.106</b>	<b>5.860.459.001</b>	<b>278.821.088</b>	<b>4.915.311</b>	<b>6.946.716.506</b>

Nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng 3.692.239.101 đồng.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 11.340.365.635 đồng và 672.405.276 đồng đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**07. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>16.100.342.363</b>
- Mua trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>16.100.342.363</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
<b>Số dư đầu năm</b>	-	-
- Khấu hao trong kỳ	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	-
<b>III. Giá trị còn lại</b>		
<b>1. Tại ngày đầu năm</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>16.100.342.363</b>
<b>2. Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>16.100.342.363</b>	<b>16.100.342.363</b>

Giá trị quyền sử dụng đất của Công ty là quyền sử dụng đất lâu dài tại Thạch Thất, Hà Nội.

Giá trị còn lại cuối kỳ là của tài sản cố định vô hình là 16.100.342.363 đồng đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

**08. Chi phí trả trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>a. Ngắn hạn</b>	-	<b>94.364.011</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	-	94.364.011
<b>b. Dài hạn</b>	<b>458.685.875</b>	<b>534.665.326</b>
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	100.685.875	126.665.326
- Giá trị thương hiệu	358.000.000	408.000.000
<b>Cộng</b>	<b>458.685.875</b>	<b>629.029.337</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Tăng	Giảm	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
<b>09. Vay và nợ thuê tài chính</b>						
a. Vay ngắn hạn	28.558.530.863	26.791.530.863	1.123.000.000	1.017.000.000	28.664.530.863	26.691.530.863
- Vay ngân hàng	26.791.530.863	26.791.530.863	-	100.000.000	26.691.530.863	26.691.530.863
+ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Sở giao dịch <sup>(a)</sup>	26.791.530.863	26.791.530.863	-	100.000.000	26.691.530.863	26.691.530.863
- Vay đối tượng khác <sup>(b)</sup>	1.767.000.000	-	1.123.000.000	917.000.000	1.973.000.000	-
+ Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng	100.000.000	-	-	-	100.000.000	-
+ Vay các đối tượng khác	1.667.000.000	-	1.123.000.000	917.000.000	1.873.000.000	-
b. Vay dài hạn	69.816.600.000	-	-	500.000.000	69.316.600.000	-
Từ 1 năm đến 5 năm	69.816.600.000	-	-	500.000.000	69.316.600.000	-
- Vay ngân hàng	-	-	-	-	-	-
- Vay đối tượng khác	69.816.600.000	-	-	500.000.000	69.316.600.000	-
+ Các đối tượng thuộc dự án Xuân Đỉnh <sup>(c)</sup>	69.816.600.000	-	-	500.000.000	69.316.600.000	-
<b>Cộng</b>	<b>98.375.130.863</b>	<b>26.791.530.863</b>	<b>1.123.000.000</b>	<b>1.517.000.000</b>	<b>97.981.130.863</b>	<b>26.691.530.863</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:**

- (a) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam lãi suất 8,5%/năm để phục vụ sản xuất kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất tại Thạch Thất - Hà Nội và một số máy móc thiết bị. Khoản vay ngân hàng của Công ty đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã và đang lên kế hoạch trả nợ trong tương lai và tin tưởng về khả năng thanh toán công nợ này.
- (b) Khoản vay các đối tượng khác để phục vụ sản xuất kinh doanh, lãi suất từ 7%/năm đến 7,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.
- (c) Khoản vay các cá nhân để thực hiện dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đỉnh, Bắc Từ Liêm, Hà Nội. Lãi vay từ 1,5%/năm đến 10%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**10. Phải trả người bán**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán	Giá trị	Số nợ quá hạn chưa thanh toán
<b>a. Phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>14.669.259.604</b>	<b>14.216.418.073</b>	<b>16.159.437.332</b>	<b>8.022.251.105</b>
- Công ty TNHH Hùng Hiệp Quảng Ninh	3.583.222.217	3.583.222.217	3.583.222.217	3.583.222.217
- Công ty TNHH MTV TVTK TM & XD Mạnh Cường	1.752.648.189	1.752.648.189	1.752.648.189	-
- Công ty TNHH 405	835.662.007	835.662.007	1.511.251.300	1.511.251.300
- Công ty TNHH Thái Long	3.766.990.577	3.766.990.577	3.958.574.477	-
- Công ty TNHH vật liệu XD dầu khí Nghệ An	2.213.741.061	2.213.741.061	2.213.741.061	-
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	2.516.995.553	2.064.154.022	3.140.000.088	2.927.777.588
<b>b. Phải trả người bán dài hạn</b>	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>14.669.259.604</b>	<b>14.216.418.073</b>	<b>16.159.437.332</b>	<b>8.022.251.105</b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
- Thuế giá trị gia tăng	-	4.234.683.004	-	-	-	-	1.070.070.706	-	-	-	-	3.164.612.298
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.882.769.644	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.882.769.644
- Thuế thu nhập cá nhân	-	564.233.187	-	4.145.251	-	-	-	-	-	-	-	568.378.438
- Các loại thuế khác	-	-	-	3.000.000	-	-	3.000.000	-	-	-	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	3.003.898.382	-	594.102.166	-	-	-	-	-	-	-	3.598.000.548
<b>Cộng</b>	-	<b>9.685.584.217</b>	-	<b>601.247.417</b>	-	-	<b>1.073.070.706</b>	-	-	-	-	<b>9.213.760.928</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**12. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>6.019.547.074</b>	<b>4.825.855.650</b>
- Chi phí lãi vay	5.362.449.098	4.168.757.674
- Trích trước chi phí công trình phải trả	657.097.976	657.097.976
<b>b. Dài hạn</b>	<b>14.452.026.694</b>	<b>13.211.394.360</b>
- Chi phí lãi vay (*)	14.452.026.694	13.211.394.360
<b>Cộng</b>	<b>20.471.573.768</b>	<b>18.037.250.010</b>

(\*): Chi phí lãi vay liên quan đến dự án Tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

**13. Các khoản phải trả, phải nộp khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>5.785.254.071</b>	<b>6.869.301.937</b>
- Kinh phí công đoàn	162.842.661	166.685.421
- Bảo hiểm xã hội	1.359.370.922	1.187.456.426
- Bảo hiểm y tế	145.331.546	113.958.754
- Bảo hiểm thất nghiệp	107.627.996	93.684.554
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	296.313.234	296.313.234
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.713.767.712	5.011.203.548
+ Phải trả đội trường các công trình	3.573.181.079	4.827.457.895
+ Phải trả các đối tượng khác	140.586.633	183.745.653
<b>b. Dài hạn</b>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>5.785.254.071</b>	<b>6.869.301.937</b>

352  
C  
C  
C  
V  
V  
N





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Vốn góp của Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đăng	2.273.000.000	4,94	2.273.000.000	4,94
Vốn góp của các cổ đông khác	43.727.000.000	95,06	43.727.000.000	95,06
<b>Cộng</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>46.000.000.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46.000.000.000	46.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	46.000.000.000	46.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	1.610.000.000

**d. Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.000.000	6.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.600.000	4.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.600.000	4.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.600.000	4.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.600.000	4.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Doanh thu cung cấp dịch vụ	500.000.000	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	5.265.253.771	5.394.884.573
<b>Cộng</b>	<b>5.765.253.771</b>	<b>5.394.884.573</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**02. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	291.034.184	-
Giá vốn của hoạt động xây dựng	3.983.519.891	7.937.072.599
<b>Cộng</b>	<b>4.274.554.075</b>	<b>7.937.072.599</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	164.468	427.919.928
<b>Cộng</b>	<b>164.468</b>	<b>427.919.928</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Lãi tiền vay	1.228.883.052	1.316.901.698
<b>Cộng</b>	<b>1.228.883.052</b>	<b>1.316.901.698</b>

**05. Thu nhập khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Thu nhập từ nhận tài trợ từ đối tác tham gia liên danh hợp tác đầu tư Dự án tổ hợp công trình Nhà ở, căn hộ cao cấp, văn phòng cho thuê ở tại Xuân Đình, Từ Liêm, Hà Nội	-	10.000.000.000
- Nợ phải trả người bán được miễn trừ	171.780.449	-
- Thu nhập khác	-	272.727.270
<b>Cộng</b>	<b>171.780.449</b>	<b>10.272.727.270</b>

**06. Chi phí khác**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Các khoản bị phạt chậm nộp	624.102.166	2.166.137.371
- Các khoản khác	119.335.916	174.908.275
<b>Cộng</b>	<b>743.438.082</b>	<b>2.341.045.646</b>

30/1/2016  
NH  
S V  
E T  
TOA  
Ệ T  
HA

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**07. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Chi phí nhân viên quản lý	1.044.342.189	1.122.282.554
- Chi phí đồ dùng văn phòng	97.363.986	84.478.612
- Chi phí khấu hao TSCĐ	118.190.754	98.544.094
- Thuế, phí và lệ phí	434.405.625	1.397.595.629
- Chi phí dự phòng	2.587.410.868	3.967.238.583
- Các khoản chi phí khác	327.525.549	1.166.070
<b>Cộng</b>	<b>4.609.238.971</b>	<b>6.671.305.542</b>

**08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.600.000	4.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.069)</b>	<b>(472)</b>

**09. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.918.915.492)	(2.170.793.714)
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	4.600.000	4.600.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>(1.069)</b>	<b>(472)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

**10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.212.503.756	765.840.308
- Chi phí nhân công	1.340.949.865	1.379.271.937
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.429.082.861	1.504.546.672
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.747.225.238	4.184.781.593
- Chi phí dự phòng	2.587.410.868	3.967.238.583
- Chi phí khác bằng tiền	1.568.157.883	26.519.878
<b>Cộng</b>	<b>10.885.330.471</b>	<b>11.828.198.971</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có thông tin.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 6 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**02. Giao dịch với các bên liên quan**

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016</b>	<b>Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
Lãi tiền vay	24.472.426	23.587.027
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
Lãi tiền vay	47.434.685	41.290.315
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
Lãi tiền vay	104.712.329	104.136.986

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Hội đồng quản trị</b>		
+ Vay dài hạn	408.000.000	453.000.000
<b>Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng</b>		
+ Vay dài hạn	906.000.000	793.000.000
<b>Các cá nhân có liên quan</b>		
+ Vay dài hạn	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>3.314.000.000</b>	<b>3.246.000.000</b>

N.0305  
 CÔNG  
 ĐIỆP  
 TẠI  
 VĂN  
 PHÒNG  
 THANH

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

Đơn vị tính: VND

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
Tiền lương, phụ cấp	216.280.841	159.756.175
<b>Cộng</b>	<b>216.280.841</b>	<b>159.756.175</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đăng - CTCP	Cổ đông góp vốn

Các nghiệp vụ khác phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016	Từ 01/01/2015 đến 30/6/2015
<b>Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đăng - CTCP</b>		
Lãi tiền vay và lãi trả chậm	9.256.351	8.387.451

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tổng Công ty Xây dựng Bạch Đăng - CTCP</b>		
+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn	184.738.785	184.738.785
+ Vay ngắn hạn	100.000.000	100.000.000
+ Các khoản phải trả phải nộp khác	108.080.137	98.823.786
+ Cổ tức phải trả	272.760.000	272.760.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b>665.578.922</b>	<b>656.322.571</b>

**03. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây dựng: Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, hạ tầng kỹ thuật, đường giao thông, cầu tàu, bến cảng, đường dây và trạm biến thế điện;
- Lĩnh vực kinh doanh bất động sản: Xây dựng tổ hợp nhà ở, căn hộ cao cấp và văn phòng cho thuê;
- Lĩnh vực khác: Cho thuê thiết bị.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

213  
CHỦ  
NG; H V  
CHỈ  
V KẾ  
VAB  
H F

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**  
Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<b>Xây dựng</b>	<b>Kinh doanh BĐS</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2016</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.265.253.771	-	500.000.000	5.765.253.771
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	9.421.734.507		690.777.123	10.112.511.630
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(4.156.480.736)	-	(190.777.123)	(4.347.257.859)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	101.120.046	-	3.200.000	104.320.046
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.348.584.296	-	307.662.073	1.656.246.369
<b>Số dư tại ngày 30/6/2016</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	133.904.180.064	60.406.787.195	1.977.186.801	196.288.154.060
- Tài sản không phân bổ				26.788.942
<b>Tổng tài sản</b>	<b>133.904.180.064</b>	<b>60.406.787.195</b>	<b>1.977.186.801</b>	<b>196.314.943.002</b>
- Nợ phải trả bộ phận	70.008.589.217	83.768.626.694	215.000.000	153.992.215.911
- Nợ phải trả không phân bổ				474.527.302
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>70.008.589.217</b>	<b>83.768.626.694</b>	<b>215.000.000</b>	<b>154.466.743.213</b>

Đơn vị tính: VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**  
 Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<b>Xây dựng</b>	<b>Kinh doanh BĐS</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>				
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	5.394.884.573	-	-	5.394.884.573
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	15.497.359.911	-	-	15.497.359.911
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(10.102.475.338)	-	-	(10.102.475.338)
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	35.818.182	-	-	35.818.182
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	1.504.546.672	-	-	1.504.546.672
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>				
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	139.467.488.567	63.376.769.650	1.977.186.801	204.821.445.018
- Tài sản không phân bổ				450.441.340
<b>Tổng tài sản</b>	<b>139.467.488.567</b>	<b>63.376.769.650</b>	<b>1.977.186.801</b>	<b>205.271.886.358</b>
- Nợ phải trả bộ phận	70.176.911.167	83.853.113.464	-	154.030.024.631
- Nợ phải trả không phân bổ				1.504.840.536
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>70.176.911.167</b>	<b>83.853.113.464</b>	<b>-</b>	<b>155.534.865.167</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kôn Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

**04. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách				Đơn vị tính: VND	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.788.942	-	3.683.683.688	-	26.788.942	3.683.683.688
Phải thu khách hàng và phải thu khác	24.236.858.694	(7.504.432.289)	31.197.221.665	(4.917.021.421)	16.732.426.405	26.280.200.244
Phải thu về cho vay	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
Đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>24.263.647.636</b>	<b>(7.504.432.289)</b>	<b>34.880.905.353</b>	<b>(4.917.021.421)</b>	<b>16.759.215.347</b>	<b>29.963.883.932</b>

**Nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả cho người bán	14.669.259.604	16.159.437.332	14.669.259.604	16.159.437.332
Vay và nợ	97.981.130.863	98.375.130.863	97.981.130.863	98.375.130.863
Chi phí phải trả	20.471.573.768	18.037.250.010	20.471.573.768	18.037.250.010
Các khoản phải trả khác	3.713.767.712	233.745.653	3.713.767.712	233.745.653
<b>Cộng</b>	<b>136.835.731.947</b>	<b>132.805.563.858</b>	<b>136.835.731.947</b>	<b>132.805.563.858</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐẰNG - TMC**  
 Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

**05. Tài sản đảm bảo**

*Tài sản thế chấp cho đơn vị khác*

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng (xem thuyết minh số V.06 và V.09). Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

<b>Tài sản thế chấp</b>	<b>Giá trị sổ sách</b>
<b>Số cuối kỳ</b>	
Máy móc, thiết bị	672.405.276
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
<b>Cộng</b>	<b>16.772.747.639</b>

**Số đầu năm**

Máy móc, thiết bị	1.108.488.521
Quyền sử dụng đất	16.100.342.363
<b>Cộng</b>	<b>17.208.830.884</b>

**06. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

*Phải thu khách hàng*

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

*Tiền gửi ngân hàng*

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**07. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<b>Từ 1 năm trở xuống</b>	<b>Trên 1 năm đến 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>
<b>Số cuối kỳ</b>			<b>Cộng</b>
Phải trả cho người bán	14.669.259.604	-	14.669.259.604
Vay và nợ	28.664.530.863	69.316.600.000	97.981.130.863
Chi phí phải trả	6.019.547.074	14.452.026.694	20.471.573.768
Các khoản phải trả khác	3.713.767.712	-	3.713.767.712
<b>Cộng</b>	<b>53.067.105.253</b>	<b>83.768.626.694</b>	<b>136.835.731.947</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG BẠCH ĐĂNG - TMC**

Số 99, Ngụy Như Kon Tum, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
<b>Số đầu năm</b>				
Phải trả cho người bán	16.159.437.332	-	-	16.159.437.332
Vay và nợ	28.558.530.863	69.816.600.000	-	98.375.130.863
Chi phí phải trả	4.825.855.650	13.211.394.360	-	18.037.250.010
Các khoản phải trả khác	233.745.653	-	-	233.745.653
<b>Cộng</b>	<b>49.777.569.498</b>	<b>83.027.994.360</b>	-	<b>132.805.563.858</b>

**08. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

**Rủi ro ngoại tệ**

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

**Rủi ro lãi suất**

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

**Rủi ro về giá khác**

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**09. Thông tin so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt.

**10. Thông tin về hoạt động liên tục**

Trong kỳ kế toán, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu



Nguyễn Thị Hồng Minh

Kế toán trưởng



Dương Thị Thủy

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2016

Tổng Giám đốc




Nguyễn Văn Thường